

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ TUYỂN CHỌN ĐẾN HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU VÀ TRIỂN KHAI CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Đỗ Nam*

Đặt vấn đề

Trong thời gian qua, có nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ (KH-CN) được Nhà nước ban hành thông qua các luật và các văn bản dưới luật. Các chủ trương, chính sách, cơ chế này đã đi vào cuộc sống và có tác động tích cực đến hoạt động KH-CN nói chung và hoạt động nghiên cứu và triển khai nói riêng của các địa phương. Tuy nhiên, các tác động tích cực đó có được như kỳ vọng của các nhà làm luật và của giới khoa học - những đối tượng điều chỉnh quan trọng của các chủ trương, chính sách, cơ chế hay không, việc triển khai thực hiện chúng khó khăn hay thuận lợi, lại có rất ít các nghiên cứu, đánh giá. Trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật rất cần các nghiên cứu, đánh giá các chủ trương, chính sách, cơ chế đã được ban hành, để có thể sửa đổi, điều chỉnh, hoàn thiện cho chúng ngày càng phù hợp với cuộc sống đang thay đổi hàng ngày.

Từ thực tiễn hoạt động, chúng tôi nhận thấy một số chủ trương, chính sách về đổi mới cơ chế quản lý hoạt động KH-CN của Nhà nước, được đưa ra lần đầu trong Luật Khoa học và Công nghệ năm 2000 đã có tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương. Nhưng cảm nhận đó có chính xác không, được thể hiện ở những khía cạnh nào, mức độ tác động đến đâu... là những câu hỏi không thể trả lời, nếu không có quá trình xem xét, đánh giá một cách nghiêm túc, dựa trên những thông tin và số liệu có đủ độ tin cậy. Vì vậy, chúng tôi tự đặt mục tiêu cho nghiên cứu cá nhân này là đánh giá tác động của một trong những cơ chế đó - cơ chế *tuyển chọn* tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH-CN - đến hoạt động nghiên cứu và triển khai. Vì nhiều lý do khác nhau, mà chủ yếu là do sự hạn chế của nguồn thông tin, nên chúng tôi giới hạn nghiên cứu của mình trong phạm vi hoạt động nghiên cứu và triển khai ở các địa phương.

1. Cơ chế tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1.1 Căn cứ pháp quy của cơ chế tuyển chọn

Luật KH-CN do Quốc hội ban hành và có hiệu lực năm 2000 quy định tại điều 20 về tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KH-CN [1].

* Sở Khoa học và Công nghệ Thừa Thiên Huế.

Đây là lần đầu tiên việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN được đưa ra một cách chính thức, trong một văn bản quy phạm pháp luật.

Sau khi Luật KHCN và Nghị định 81/2001/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật KHCN có hiệu lực, ngày 28/9/2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “*Đề án đổi mới quản lý khoa học và công nghệ*” [2] và sau đó, Bộ KHCN đã liên tiếp có các quy định hướng dẫn thực hiện cơ chế tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước [3-5].

Theo đề án *Đổi mới cơ chế quản lý KHCN* của Chính phủ thì trong giai đoạn này, hoạt động KHCN, cần đổi mới 06 cơ chế là: (1) Cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN; (2) Cơ chế quản lý các tổ chức KHCN; (3) Cơ chế đảm bảo tài chính cho KHCN; (4) Cơ chế quản lý nhân lực KHCN; (5) Cơ chế hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ; và (6) Cơ chế phân công, phân cấp trong quản lý nhà nước về KHCN. Việc “*áp dụng rộng rãi phương thức tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN theo cơ chế cạnh tranh, công khai, dân chủ. Việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng*” [2] được đưa ra trong đề án với tư cách là một trong những giải pháp thực hiện việc đổi mới cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KHCN.

Ở địa phương, các Sở KHCN đã tham mưu cho Ủy ban Nhân dân (UBND) các tỉnh/ thành phố quy định về việc tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN dưới dạng quy định hoặc quy chế quản lý các nhiệm vụ KHCN của địa phương (2005: Đà Nẵng [6], Quảng Ngãi [7], 2006: Bà Rịa - Vũng Tàu [8], 2007: An Giang [9], 2008: Hải Phòng [10]).

1.2 Các nguyên tắc cơ bản của cơ chế tuyển chọn

Việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KHCN tuân thủ các nguyên tắc đã được nêu trong Luật KHCN là “*công khai, công bằng, dân chủ, khách quan*” [1]. Ở đây, nguyên tắc *công khai* được hiểu là các thông tin liên quan đến tuyển chọn (danh mục các nhiệm vụ được thực hiện theo phương thức tuyển chọn, tính đầy đủ và hợp lệ của các hồ sơ gửi đến tham gia tuyển chọn, kết quả tuyển chọn...) phải được công khai. Chính yêu cầu công khai thông tin sẽ đảm bảo cho việc tuyển chọn *công bằng* với mọi đối tượng. Các nguyên tắc *dân chủ* và *khách quan* liên quan đến việc thành lập các hội đồng tư vấn KHCN giúp cơ quan quản lý thực hiện việc tuyển chọn và nằm trong nguyên tắc làm việc của các hội đồng này.

Trước hết về tính công khai của các thông tin liên quan. Danh mục các nhiệm vụ KHCN hàng năm của các địa phương được UBND tỉnh/ thành phố quyết định thực hiện theo phương thức tuyển chọn được thông báo công khai trên báo *Khoa học và Phát triển* và báo địa phương. Báo *Khoa học và Phát triển* của Bộ KHCN phát hành toàn quốc nên tất cả các tổ chức KHCN khắp cả nước đều có cơ hội như nhau về tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, các cơ quan, tổ chức ở địa phương, ngoài ngành KHCN, có thể không tiếp cận được với báo

Khoa học và Phát triển, vì vậy danh mục các đề tài, dự án còn được thông báo trên báo địa phương.

Tính dân chủ và khách quan của cơ chế tuyển chọn phải được đảm bảo ngay từ quá trình lựa chọn các thành viên hội đồng tư vấn KHCN. Ngoài tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, việc lựa chọn các thành viên hội đồng phải thỏa mãn nguyên tắc là các thành viên này không phải là người của tổ chức đăng ký tuyển chọn. Có những hội đồng, trong trường hợp cần thiết phải mời các chuyên gia từ các tổ chức KHCN trung ương hoặc địa phương khác để đảm bảo được cả hai yêu cầu về trình độ chuyên môn và tính khách quan.

Tính dân chủ và khách quan của cơ chế tuyển chọn còn được thể hiện qua nguyên tắc làm việc của các hội đồng tư vấn KHCN làm nhiệm vụ tuyển chọn. Nguyên tắc làm việc của hội đồng là “tập trung và dân chủ”. Chủ tịch hội đồng là người điều hành hoạt động của hội đồng, nhưng quyết định chọn ai là tùy thuộc vào đánh giá của toàn thể hội đồng qua điểm trung bình của hội đồng. Các thành viên hội đồng không biết trước kết quả đánh giá vì thông thường các tổ chức và cá nhân có trình độ, năng lực và khả năng tổ chức thực hiện gần như tương đương.

2. Quy trình tổ chức tuyển chọn

Dựa vào các quy định của Bộ KHCN đối với các chương trình, đề tài, dự án cấp nhà nước, các địa phương đã đưa ra quy trình quản lý các nhiệm vụ KHCN của địa phương, trong đó có quy trình tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh [4-10]. Quy trình của các tỉnh, thành phố có thể có những khác biệt nhỏ về chữ nghĩa, cách trình bày, nhưng về cơ bản, gồm 6 bước sau [11].

Bước 1: Đề xuất và quyết định các nhiệm vụ KHCN cần tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện. Ở hầu hết các tỉnh, thành phố việc đề xuất phương thức thực hiện các nhiệm vụ KHCN hàng năm là trách nhiệm của Sở KHCN, và UBND tỉnh/ thành phố là cơ quan có thẩm quyền quyết định đề xuất của Sở KHCN.

Trong quá trình tập hợp, lựa chọn các đề xuất nhiệm vụ KHCN để đưa vào danh mục nhiệm vụ KHCN hàng năm của địa phương, thực hiện chức năng được giao, Sở KHCN là cơ quan đầu tiên đề xuất danh mục các nhiệm vụ KHCN sẽ giao trực tiếp hay tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện. Sau bước này, nhiều Sở KHCN còn lấy ý kiến tư vấn của hội đồng KHCN tỉnh/ thành phố trước khi trình UBND quyết định. Có thể, trong đa số trường hợp, hội đồng KHCN và UBND hầu như thống nhất với đề xuất của Sở KHCN, nhưng vấn đề ở đây liên quan đến thẩm quyền ban hành quyết định hành chính. Danh mục các nhiệm vụ KHCN hàng năm là một bộ phận của kế hoạch hoạt động KHCN của tỉnh/ thành phố nên việc UBND tỉnh/ thành phố ký quyết định phê duyệt là hợp lý. Có một số trường hợp đặc biệt. Một là, cơ quan quyết định các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh sẽ thực hiện theo phương thức giao trực tiếp hay tuyển chọn, không phải là UBND tỉnh/ thành

phố, mà là Sở KHCN như tỉnh Bắc Giang, hoặc là Hội đồng KHCN tỉnh, như thành phố Hải Phòng. Hai là, Sở KHCN trình UBND tỉnh quyết định, mà không cần qua các hội đồng tư vấn KHCN tỉnh/ thành phố như Quảng Bình. Ba là, UBND tỉnh là cơ quan vừa đề xuất vừa quyết định phương thức thực hiện các nhiệm vụ KHCN của tỉnh (Cà Mau).

Bước 2: Công bố công khai danh mục các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh hàng năm đã được quyết định thực hiện theo phương thức tuyển chọn trên báo *Khoa học và Phát triển* của Bộ KHCN và báo địa phương.

Theo thống kê của chúng tôi thì trong 5 năm, từ 2003 đến 2007, có 41 Sở KHCN của các tỉnh, thành phố thực hiện việc thông báo tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN của địa phương trên báo *Khoa học và Phát triển*. Bên cạnh thông báo tuyển chọn, một số tỉnh/ thành phố còn đăng trên báo kêu gọi các tổ chức và cá nhân tư vấn đầu bài, xác định các nhiệm vụ KHCN của địa phương (Nam Định, Kon Tum) hay công bố các tổ chức và cá nhân trúng tuyển (Đồng Nai).

Bước 3: Tiếp nhận và mở hồ sơ. Việc mở hồ sơ được tiến hành công khai, ngoài đại diện của Sở KHCN, còn có đại diện một số cơ quan quản lý của tỉnh và đại diện một số tổ chức KHCN đăng ký tuyển chọn trên địa bàn tham gia. Việc mở hồ sơ để xác định tính đầy đủ và đúng yêu cầu đã được thông báo của các hồ sơ được gửi đến. Nếu hồ sơ không đầy đủ và không đúng yêu cầu thì sẽ bị loại.

Bước 4: Thông báo cho các tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn về việc hồ sơ của họ được hay không được chấp nhận và khoảng thời gian sẽ tổ chức hội đồng tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN.

Bước 5: Tổ chức các hội đồng tư vấn KHCN tuyển chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN thông qua việc đánh giá tính khả thi và phù hợp của các mục tiêu, nội dung khoa học, tính khả thi và hợp lý của tổ chức thực hiện, dự toán kinh phí, thời gian và tiến độ thực hiện của các thuyết minh đề cương của các nhiệm vụ.

Bước 6: Thông báo công khai kết quả tuyển chọn cho các tổ chức và cá nhân trúng tuyển để họ làm các thủ tục tiếp theo. Thông thường việc thông báo được thực hiện qua bản tin của Sở và bằng công văn trực tiếp đến các tổ chức và cá nhân trúng tuyển.

3. Tổ chức thực hiện cơ chế tuyển chọn ở địa phương

3.1 Tỷ lệ các nhiệm vụ tuyển chọn

Nếu lấy thời gian ban hành các văn bản của Bộ KHCN hướng dẫn thực hiện việc thành lập và hoạt động của hội đồng tư vấn tuyển chọn các đề tài nghiên cứu KHCN và các dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước (năm 2006) [3], hay quy định về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước (năm 2007) [4] và các đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cấp nhà nước (năm 2007) [5], thì dễ đi đến kết

luận rằng cơ chế tuyển chọn mới được triển khai thực hiện rất gần đây. Tuy nhiên, trong thực tế, ở trung ương, ban chủ nhiệm các chương trình KHCN quốc gia, căn cứ vào các quy định tạm thời của Bộ KHCN, đã bắt đầu tổ chức thực hiện cơ chế tuyển chọn từ năm 2001, ngay sau khi Luật KHCN có hiệu lực.

Theo dõi báo *Khoa học và Phát triển*, chúng tôi thấy rằng các thông báo về việc tuyển chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ KHCN địa phương xuất hiện lần đầu tiên vào năm 2003, đồng thời căn cứ vào các số liệu do các Sở KHCN cung cấp, chúng tôi đi đến kết luận rằng các tỉnh, thành phố bắt đầu triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN địa phương từ năm 2003 (Cà Mau, Hà Nội, Lào Cai, Thừa Thiên Huế...). Các tỉnh, thành phố khác lần lượt thực hiện cơ chế này vào các năm tiếp theo (2004: Quảng Nam, Tuyên Quang, Quảng Bình...; 2005: Hải Phòng, Bến Tre...). Tính đến hết năm 2007, khoảng 2/3 các tỉnh, thành phố trong cả nước đã triển khai thực hiện cơ chế này.

Bảng 1 là số lượng các nhiệm vụ KHCN phân theo phương thức giao trực tiếp và tuyển chọn trong 5 năm, từ 2003 đến 2007 của tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bảng 1: Tỷ lệ các nhiệm vụ KHCN được giao trực tiếp và tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện giai đoạn 2003-2007 của tỉnh Thừa Thiên Huế

Năm	Tổng số các nhiệm vụ	Giao trực tiếp		Tuyển chọn	
		Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2003	18	07	38,89	11	61,11
2004	12	06	50,00	06	50,00
2005	19	05	26,32	14	73,68
2006	22	06	27,27	16	72,83
2007	17	08	47,06	09	52,94
Tổng cộng	88	32	36,36	56	63,64

Các số liệu trong bảng 1 cho thấy tỷ lệ các nhiệm vụ thực hiện theo phương thức tuyển chọn trên tổng số các nhiệm vụ KHCN hàng năm có sự biến động theo thời gian, nhưng không theo quy luật nào, và luôn nằm ở mức trên 50%, nếu tính trung bình trong 5 năm thì tỷ lệ này đạt 63,64%. Tỷ lệ này là tương đối cao nếu so sánh với số liệu của các tỉnh, thành phố khác trong cả nước ở dưới đây.

Bảng 2 là các nhiệm vụ KHCN phân theo phương thức thực hiện từ 2003 đến 2007 của một số địa phương. Các số liệu tương ứng với mỗi ô trong bảng 2 quy ước như sau: con số trước dấu gạch chéo là số lượng các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức tuyển chọn, con số đứng sau dấu gạch chéo là tổng số các nhiệm vụ KHCN thực hiện trong năm của địa phương, và số thứ 3 ở dòng thứ hai là tỷ lệ phần trăm của hai số trên. Nếu năm nào không có các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức tuyển chọn thì ô số liệu của năm đó sẽ được bỏ trống. Cột cuối cùng trong bảng 2 là tổng số các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo phương thức tuyển chọn trong các năm có thực hiện cơ chế này, tổng số các nhiệm vụ KHCN trong các năm đó và tỷ lệ trung bình của các năm thực hiện cơ chế tuyển chọn.

Bảng 2: Các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo cơ chế tuyển chọn ở các địa phương giai đoạn 2003-2007

	Tỉnh/ thành phố	2003	2004	2005	2006	2007	Tổng số
1	Bến Tre	-	-	07/15 46,67%	05/11 45,45%	07/19 36,84%	19/43 44,19%
2	Cà Mau	25/45 55,56%	12/42 28,57%	10/36 27,78%	15/44 34,09%	14/49 28,57%	76/216 35,19%
3	Cần Thơ	18/26 69,23%	9/13 69,23%	-	14/19 73,68%	19/25 76,00%	60/83 72,29%
4	Hà Nội	12/134 08,96%	07/10 66,60%	02/94 02,13%	12/109 11,01%	-	33/443 07,45%
5	Lào Cai	9/9 100%	15/15 100%	14/14 100%	16/16 100%	02/02 100%	56/56 100%
6	Quảng Bình	-	05/12 41,67%	05/10 50,00%	06/13 46,15%	05/10 50,00%	21/45 46,67%
7	Quảng Nam	-	02/15 13,33%	03/17 17,65%	02/17 11,76%	06/23 26,09%	13/72 18,06%
8	Quảng Trị	-	-	-	02/32 06,25%	02/26 07,69%	04/58 6,90%
9	Tuyên Quang	-	02/14 14,29%	-	04/05 80,00%	03/21 14,29%	09/40 22,50%

Nguồn: Số liệu do các Sở KHCN cung cấp trực tiếp cho tác giả qua thư điện tử.

Số liệu trong bảng 2 cho chúng ta thấy, một số địa phương có tỷ lệ các nhiệm vụ thực hiện theo cơ chế tuyển chọn tương đối lớn như Cần Thơ (72,29%), Quảng Bình (46,67%), Bến Tre (44,19%), Cà Mau (35,19%). Đặc biệt, Lào Cai là tỉnh duy nhất có 100% các nhiệm vụ KHCN hàng năm được thực hiện theo phương thức tuyển chọn. Bên cạnh đó, cũng có nhiều địa phương có tỷ lệ các nhiệm vụ KHCN được thực hiện theo phương thức tuyển chọn khá thấp, dưới 20% (Quảng Nam, Hà Nội, Quảng Trị...) hoặc việc thực hiện cơ chế tuyển chọn chưa được triển khai đều hàng năm (Cần Thơ, Tuyên Quang...).

3.2 Các tổ chức tham gia tuyển chọn và trúng tuyển

Lực lượng thực hiện các nhiệm vụ KHCN của các địa phương được phân thành 02 nhóm chính là lực lượng KHCN tại chỗ và lực lượng KHCN ngoài địa bàn. Nhóm thứ nhất - lực lượng tại chỗ - ở các địa phương có các tổ chức KHCN trung ương như viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm triển khai thực nghiệm đóng trên địa bàn, lại được chia thành 02 nhóm là lực lượng KHCN của chính địa phương và lực lượng KHCN vừa kể. Nhóm thứ hai - lực lượng KHCN ngoài địa bàn - về cơ bản, gồm lực lượng của các tổ chức KHCN của trung ương đóng ở thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ở các trung tâm KHCN vùng, khu vực; Dù rất ít, nhưng nhóm này còn bao gồm các tổ chức KHCN của các địa phương khác hoặc của các hội khoa học và kỹ thuật.

Thông thường, nhóm thứ nhất, đặc biệt là lực lượng KHCN của chính địa phương, có thể mạnh là nắm vững thực tiễn của địa phương, nhưng lại thiếu các kỹ năng viết đề xuất, chuẩn bị thuyết minh đề cương, thuyết phục hội đồng và viết báo cáo khoa học. Ngược lại, những kỹ năng mà lực lượng

KHCN địa phương còn thiếu, còn yếu lại là thế mạnh của lực lượng KHCN từ các tổ chức KHCN của trung ương. Nhưng, do điều kiện tiếp cận với thực tiễn sản xuất và đời sống của các địa phương của các tổ chức này còn hạn chế nên các đề xuất nhiệm vụ KHCN, thuyết minh đề cương, giải pháp... chưa thật sự đáp ứng được nhu cầu, đòi hỏi thực tiễn của các địa phương.

Bảng 3 phản ánh tình hình tham gia tuyển chọn phân theo hai nhóm tổ chức KHCN trên địa bàn và ngoài địa bàn trong 5 năm, từ 2003 đến 2007 của tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhờ thông báo công khai trên báo và công văn gửi trực tiếp đến các tổ chức KHCN có khả năng thực hiện các nhiệm vụ KHCN, số lượng hồ sơ từ các tổ chức KHCN ngoài địa bàn tăng đáng kể, tỷ lệ các hồ sơ tham gia tuyển chọn ngoài địa bàn trên tổng số hồ sơ dự tuyển trung bình trong 5 năm (2003-2007) của tỉnh Thừa Thiên Huế là hơn 30%, có năm lên đến 50% tổng số hồ sơ tham gia đăng ký tuyển chọn.

Cũng từ các số liệu trong bảng 3, ở Thừa Thiên Huế có khoảng 50% số nhiệm vụ KHCN được thông báo thực hiện theo cơ chế tuyển chọn có 01 hồ sơ đăng ký tham gia, khoảng 1/3 các nhiệm vụ có 02 hồ sơ đăng ký, số còn lại là các nhiệm vụ có từ 03 hồ sơ đăng ký trở lên, đặc biệt có nhiệm vụ hấp dẫn được 06 đơn vị tham gia tuyển chọn đến từ các địa bàn khác nhau.

Bảng 3: Số lượng các tổ chức tham gia tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ KHCN tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2003-2007

Năm	Các nhiệm vụ có hồ sơ đăng ký tuyển chọn		Các nhiệm vụ có 2 hồ sơ đăng ký trở lên		Các hồ sơ đăng ký từ ngoài địa bàn	
	Số n/v	Số hồ sơ	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
2003	11	20	5	45,45	7	35,00
2004	06	09	3	50,00	01	11,11
2005	13	20	6	46,15	10	50,00
2006	13	21	6	46,15	10	47,62
2007	11	21	6	54,55	09	42,86
Tổng	54	91	26	48,15	37	TB: 40,66

Thống kê, phân loại các tổ chức KHCN được tuyển chọn chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN của tỉnh Thừa Thiên Huế qua các năm 2003-2007 được đưa ra ở bảng 4. Số liệu trung bình trong 5 năm cho thấy có hơn 50% các tổ chức KHCN trung ương, cả trên địa bàn và ngoài địa bàn, đã được tuyển chọn chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh.

Bảng 4: Phân loại các tổ chức được tuyển chọn chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN qua các năm 2003-2007 của tỉnh Thừa Thiên Huế

	2003	2004	2005	2006	2007	Tổng số
- Tổng số nhiệm vụ có tổ chức đăng ký thực hiện	11	4	14	14	8	51
- Tổ chức KHCN TW	5	2	9	7	4	27
- Tổ chức KHCN ĐP	6	2	5	7	4	24
- Tỷ lệ TW/TS (%)	45,45	50,00	64,29	50,00	50,00	52,94

So sánh các số liệu tương ứng trong bảng 1, bảng 3 và bảng 4 cho thấy, số lượng các nhiệm vụ KHCN được quyết định thực hiện theo phương thức tuyển chọn (bảng 1), có thể giảm khi xảy ra trường hợp có nhiệm vụ được thông báo nhưng không có tổ chức nào đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện (bảng 3), và tiếp tục giảm nếu không có tổ chức KHCN nào bảo vệ thành công thuyết minh đề cương trước hội đồng tư vấn tuyển chọn (bảng 4).

Tình hình các tổ chức KHCN trung ương và địa phương tham gia tuyển chọn chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN của các địa phương được phản ánh trong bảng 5. Các cột tương ứng với các năm được chia làm ba cột nhỏ A, B và C. Cột A là số lượng các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo cơ chế tuyển chọn, cột B là số lượng các tổ chức trung ương tham gia tuyển chọn và cột C là số lượng các tổ chức địa phương tham gia tuyển chọn trong mỗi năm.

Bảng 5: Các tổ chức KHCN trung ương và địa phương tham gia tuyển chọn qua các năm 2003-2007 ở các địa phương

	Các tỉnh, thành phố	2003			2004			2005			2006			2007			Tổng số		
		A	B	C	A	B	C	A	B	C	A	B	C	A	B	C	A	B	C
1	Bến Tre		-			-		15	17	0	11	9	0	7	6	1	33	32	1
2	Bình Dương		-			-			-		3	15	0	7	20	0	10	35	0
3	Cà Mau	25	2	23	12	3	7	10	3	6	15	4	8	14	4	8	76	16	52
4	Cần Thơ	18	7	11	9	2	7		-		14	6	9	19	7	12	60	22	39
5	Hà Nội	12		99	7		84	2		80	12		84	0	-		33	347	
6	Lào Cai	9	0	9	15	5	10	14	2	12	16	0	10	2	2	0	56	9	41
7	Quảng Bình	-	-	-	5	5	7	5	4	6	6	3	10	5	2	8	21	14	31
8	Quảng Nam	-	-	-	2	0	2	3	3	0	2	2	0	6	14	1	13	19	3
9	Tuyên Quang	-	-	-	2	1	1	-	-	-	4	5	2	3	4	0	9	10	3

Nguồn: Số liệu do các Sở KHCN cung cấp trực tiếp cho tác giả qua thư điện tử.

Từ các số liệu trong bảng 5 có thể rút ra một số nhận xét sau đây. Một là, ở một số địa phương (Cà Mau, Bến Tre, Lào Cai, Tuyên Quang...) số hồ sơ tham gia tuyển chọn thấp hơn hoặc bằng số nhiệm vụ cần tuyển chọn hoặc lớn hơn số này nhưng không đáng kể. Quảng Bình là địa phương thu hút được nhiều tổ chức tham gia tuyển chọn, 45 tổ chức cho 21 nhiệm vụ, trung bình mỗi nhiệm vụ có sự cạnh tranh để được tuyển chọn của hơn 2 tổ chức KHCN, kể cả trung ương lẫn địa phương. Là địa phương nằm sát Thành phố Hồ Chí Minh, nên Bình Dương thu hút được nhiều tổ chức trung ương đăng ký tham gia tuyển chọn: năm 2006 có 15 tổ chức đăng ký tuyển chọn thực hiện 03 nhiệm vụ, năm 2007 có 20 tổ chức đăng ký tuyển chọn để chủ trì 07 nhiệm vụ và không có tổ chức nào của địa phương cạnh tranh với các tổ chức KHCN từ Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp Hà Nội là trường hợp đặc biệt. Trước hết, khi thống kê các tổ chức tham gia tuyển chọn và được chọn, Hà Nội không phân biệt các tổ chức trung ương hay địa phương, vì dù địa phương hay trung ương thì đa số các tổ chức này cũng đều đóng trên địa bàn Hà Nội. Hơn nữa, với vị thế của thủ đô, nơi tập trung các tổ chức KHCN đầu ngành, việc thu hút các tổ chức KHCN tham gia tuyển chọn thực

hiện các nhiệm vụ KHCN của thành phố là hết sức thuận lợi. Kết quả là, tỷ lệ “chọi” rất cao, mỗi nhiệm vụ có hơn 10 tổ chức cạnh tranh để được trở thành tổ chức chủ trì thực hiện.

Bảng 6 phản ánh kết quả tuyển chọn các tổ chức chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KHCN của các địa phương. Các cột tương ứng với các năm được chia làm ba cột nhỏ A, B và C. Cột A là số lượng các nhiệm vụ KHCN thực hiện theo cơ chế tuyển chọn, cột B là số lượng các tổ chức KHCN trung ương trúng tuyển và cột C là số lượng các tổ chức KHCN địa phương trúng tuyển, trong mỗi năm.

Bảng 6: Các tổ chức trung ương và địa phương được tuyển chọn làm tổ chức chủ trì qua các năm 2003-2007 ở các địa phương

	Các tỉnh, thành phố	2003			2004			2005			2006			2007		
		A	B	C	A	B	C	A	B	C	A	B	C	A	B	C
1	Bình Dương		-			-			-		3	3	0	7	7	0
1	Cà Mau	25	2	17	12	3	7	10	3	6	15	4	8	14	4	8
2	Cần Thơ	18	7	9	9	2	7		-		14	3	7	19	3	5
3	Lào Cai	9	0	9	15	5	10	14	2	12	16	0	10	2	2	0
4	Quảng Bình		-		5	3	2	5	3	2	6	3	3	5	4	1
5	Quảng Nam		-		2	0	2	3	3	0	2	2	0	6	5	1
6	Quảng Trị		-			-			-		2	1	1	2	1	1
7	Tuyên Quang		-		2	1	1		-		4	2	1		-	

Nguồn: Số liệu do các Sở KHCN cung cấp trực tiếp cho tác giả qua thư điện tử.

Thực tế cho thấy vẫn xảy ra trường hợp dù chỉ có một hồ sơ tham gia tuyển chọn mà vẫn không được chọn. Đó là trường hợp của Hải Phòng, Tuyên Quang, Thừa Thiên Huế... Thành phố Hải Phòng năm 2005 có 03 nhiệm vụ thực hiện theo phương thức tuyển chọn, có 05 hồ sơ từ các cơ quan trung ương đăng ký tham gia, nhưng chỉ chọn được 02 hồ sơ đủ tiêu chuẩn làm chủ trì các nhiệm vụ. Tương tự như vậy với Tuyên Quang, năm 2006 không tuyển chọn đủ các đơn vị chủ trì mặc dù số hồ sơ tham gia tuyển chọn là 07 trên 05 nhiệm vụ. Thành phố Cần Thơ, trong 02 năm 2006, 2007 đều tuyển không đủ các tổ chức và cá nhân chủ trì (2006: 10/14; 2007: 8/19), mặc dù số hồ sơ lớn hơn hoặc bằng số nhiệm vụ tuyển chọn. Ở Thừa Thiên Huế năm 2007 có 03 đề tài, dự án và năm 2008 có 02 đề tài, dự án có thuyết minh đề cương chuẩn bị không đạt yêu cầu, đã bị hội đồng tư vấn KHCN bác bỏ, không được thực hiện.

4. Tác động tích cực của cơ chế tuyển chọn

Có 03 đối tượng tác động chủ yếu của cơ chế tuyển chọn theo hướng tăng dần phạm vi tác động là thể chế, hoạt động nghiên cứu và triển khai và xã hội.

Tác động của cơ chế đến thể chế chính là việc ban hành và thực hiện cơ chế đã thúc đẩy quá trình hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật từ trung ương đến địa phương. Chỉ số phản ánh tác động trong trường hợp này chính là số lượng các văn bản pháp quy của cấp dưới được xây dựng, ban hành nhằm hướng dẫn thực hiện hoặc cụ thể hóa các quy định ở cấp cao hơn.

Tác động mạnh mẽ nhất của cơ chế tuyển chọn đến hoạt động nghiên cứu và triển khai là tác động tích cực đến kết quả của nó, bao gồm việc tuyển chọn được tổ chức và cá nhân chủ trì tốt nhất, huy động được thêm nguồn nhân lực ngoài địa phương, giải quyết được những vấn đề KHCN bức xúc của địa phương, năng lực thực hiện các nhiệm vụ KHCN của đội ngũ khoa học địa phương được nâng lên và kết quả các đề tài, dự án tốt hơn. Các tác động này được đánh giá thông qua tổng hợp ý kiến đánh giá của các Sở KHCN. Chúng tôi gửi thư hỏi các Sở KHCN xem họ có tán thành các ý kiến đánh giá của chúng tôi bằng cách cho điểm theo thang điểm tăng dần từ 1 đến 5. Điểm 1 là ý kiến đánh giá hoàn toàn không đồng ý với câu trả lời được gọi ý trong bảng hỏi và điểm 5 là hoàn toàn đồng ý. Điểm trung bình cộng của tất cả các phiếu hỏi được phản hồi sẽ phản ánh ý kiến đánh giá của các Sở KHCN về vấn đề được đặt ra (bảng 7).

Bảng 7: Kết quả khảo sát ý kiến đánh giá về tác động tích cực của cơ chế tuyển chọn

	Tác động	Điểm đánh giá
1	Chọn được tổ chức và cá nhân có khả năng chủ trì thực hiện đề tài, dự án tốt nhất	3,70
2	Huy động được các tổ chức KHCN ngoài địa bàn tham gia giải quyết các vấn đề KHCN của địa phương	3,80
3	Kết quả các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tốt hơn	3,80
4	Giải quyết được một số vấn đề của địa phương, mà các tổ chức KHCN địa phương chưa giải quyết được hoặc giải quyết không tốt bằng	3,90
5	Năng lực thực hiện đề tài, dự án KHCN của đội ngũ KHCN địa phương được nâng lên, qua phối hợp thực hiện và học tập kinh nghiệm ở các đơn vị KHCN trung ương trúng tuyển	3,80

Cơ chế tuyển chọn tạo ra một áp lực, một yêu cầu cao đối với các tổ chức và cá nhân phải chấp nhận cạnh tranh để họ có trách nhiệm hơn với các sản phẩm khoa học, dù chỉ là một bản đề xuất nhiệm vụ, một bộ hồ sơ đăng ký tuyển chọn, một bản thuyết minh đề cương gửi cho hội đồng. Cơ chế tuyển chọn còn buộc các cơ quan quản lý, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức giáo dục và đào tạo, các đơn vị kinh tế của địa phương phải tự nâng cao trình độ, năng lực mới có cơ hội cạnh tranh với các tổ chức KHCN chuyên nghiệp. Bằng cách đó, trình độ, năng lực KHCN nói chung của xã hội được nâng lên.

Hiện nay, ở hầu hết các địa phương, KHCN chưa đủ nguồn lực (nhân lực, thông tin, cơ sở vật chất, kỹ thuật...), đặc biệt là nguồn nhân lực để thực hiện thành công các nhiệm vụ KHCN của mình. Vì vậy, huy động thêm được lực lượng nghiên cứu ngoài địa bàn, đặc biệt là các nhà khoa học có trình độ, có kinh nghiệm từ các viện, trường, trung tâm của trung ương là một trong những mục tiêu chính, quan trọng nhất của việc triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn ở các địa phương.

Bản thân đội ngũ KHCN địa phương cũng là người hưởng lợi từ cơ chế này. Thông qua việc tham gia thực hiện các nhiệm vụ KHCN với tư cách là

các tổ chức và cá nhân phối hợp ở địa phương, năng lực và kinh nghiệm của đội ngũ KHCN địa phương được nâng lên.

So sánh tất cả các thông số của hai kế hoạch 5 năm (1998-2002 và 2003-2007) về kết quả hoạt động nghiên cứu và triển khai của tỉnh Thừa Thiên Huế đều cho thấy hiệu quả sử dụng và quản lý đầu tư từ ngân sách địa phương (quy mô đầu tư, thu hút nguồn lực ngoài địa phương, số lượng các đề tài, dự án có kết quả được đánh giá cao về khoa học, được đưa vào sử dụng trong thực tế...) có tiến bộ rõ rệt theo thời gian.

Ở phạm vi rộng nhất, tác động xã hội của cơ chế tuyển chọn là tính minh bạch và công bằng xã hội được đảm bảo trong một lĩnh vực cụ thể - lĩnh vực nghiên cứu và triển khai - lan tỏa ra các lĩnh vực khác của xã hội. Cần lưu ý rằng, yêu cầu *dân chủ* và *công bằng* không chỉ đối với các nhiệm vụ thuộc loại tuyển chọn, mà còn với toàn bộ hoạt động nghiên cứu và triển khai, bởi vì, *“việc giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KHCN phải được thực hiện công khai dựa trên các tiêu chí lựa chọn rõ ràng”* [2].

5. Các khó khăn, hạn chế trong tổ chức thực hiện cơ chế tuyển chọn ở địa phương

Chúng tôi đánh giá những khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn ở cấp tỉnh thông qua tổng hợp ý kiến đánh giá của các nhà quản lý KHCN. Tương tự như ở phần trên, chúng tôi gửi thư hỏi các Sở KHCN xem họ có tán thành các ý kiến đánh giá của chúng tôi bằng cách cho điểm theo thang điểm tăng dần từ 1 đến 5. Điểm 1 là ý kiến đánh giá hoàn toàn không đồng ý với câu trả lời được gợi ý trong bảng hỏi và điểm 5 là hoàn toàn đồng ý. Điểm trung bình cộng của tất cả các phiếu hỏi được phản hồi sẽ phản ánh ý kiến đánh giá của các Sở KHCN về vấn đề được đặt ra (bảng 8).

Khó khăn đầu tiên, mà hầu hết các Sở KHCN đều thống nhất là quy mô các đề tài, dự án KHCN của địa phương nhỏ nên khó thu hút được các tổ chức và cá nhân các nhà khoa học trung ương, vốn thường xuyên thực hiện các nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước, hoặc các dự án có tài trợ quốc tế có quy mô lớn. Hơn nữa, theo quy định, đa số các tỉnh, thành phố đều có định mức chi bằng 70 đến 80% định mức chi đối với các nhiệm vụ tương tự ở trung ương [12,13]. Rất may là, vẫn có nhiều tổ chức KHCN và cá nhân các nhà khoa học, đã bất chấp khó khăn này để về với các địa phương.

Bảng 8: Các khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện cơ chế tuyển chọn

	Khó khăn, hạn chế	Điểm đánh giá
1	Quy mô các đề tài, dự án nhỏ, khó thu hút được các tổ chức KHCN trung ương	3,70
2	Định mức thấp (thường khoảng 70-80% của định mức theo TTLT số 44/2006/BTC-BKHCN áp dụng cho các đề tài, dự án cấp nhà nước)	3,20
3	Xa trung tâm, tốn thêm kinh phí đi lại, lưu trú... dẫn đến việc khó giải quyết bài toán chi phí - lợi ích	3,20
4	Các tổ chức KHCN trung ương thiếu (hoặc ít) thực tiễn	3,50
5	Các tổ chức KHCN địa phương thiếu kỹ năng chuẩn bị hồ sơ tham gia tuyển chọn nên tỷ lệ trúng tuyển thấp	3,02

Việc các tổ chức KHCN trung ương thiếu thực tiễn là một trong những hạn chế không khó khắc phục nếu các tổ chức này có kế hoạch tiếp cận với các địa phương đặt hàng khi xây dựng đề cương. Nhưng, đáng tiếc rằng, vẫn còn nhiều tổ chức và cá nhân chưa thực sự quan tâm đến việc khắc phục hạn chế này.

Cuối cùng, và cũng là khó khăn lớn nhất của các địa phương là không có văn bản nào hướng dẫn riêng cho các địa phương tổ chức thực hiện cơ chế này hay cơ chế khác. Các văn bản quy định, hướng dẫn hiện có của Bộ KHCN [3-5] chỉ dành cho các đề tài, dự án cấp nhà nước.

Có thể thấy ngay rằng vì chưa hề có hướng dẫn, đơn đốc thực hiện từ Bộ KHCN và các đơn vị chức năng của Bộ, mà việc triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn rất tùy tiện, không thống nhất, phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức của những người thực hiện ở từng địa phương. Có nhiều điều kiện thực tế rất khác nhau giữa hai cấp trung ương và địa phương. Thí dụ, với các đề tài, dự án cấp tỉnh mà yêu cầu phải có hợp tác quốc tế, đăng ký bảo hộ bằng sáng chế hoặc tham gia đào tạo sau đại học... là không hợp lý, làm khó cho cả người viết thuyết minh lẫn người đánh giá. Cho đến nay vẫn chưa có một bộ biểu mẫu thuyết minh đề cương, biểu mẫu và tiêu chí đánh giá thuyết minh đề cương, biểu mẫu và tiêu chí đánh giá kết quả các đề tài, dự án... thống nhất, đồng bộ, phù hợp với điều kiện của các địa phương.

6. Kết luận

Nghiên cứu này là nghiên cứu cá nhân, và là nghiên cứu bước đầu trong lĩnh vực đánh giá tác động của cơ chế, chính sách và chỉ cho một cơ chế có tác động tương đối rõ - cơ chế tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN của địa phương. Trong khi đó, còn nhiều chủ trương, chính sách và cơ chế khác về hoạt động KHCN cần được nghiên cứu, đánh giá, đặc biệt là khi vào đầu năm 2009 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có quy định về đánh giá tác động của quy phạm pháp luật (Regulatory Impact Assessment - RIA) sẽ bắt đầu có hiệu lực [14].

Qua phân tích số liệu do chính các Sở KHCN cung cấp và thu thập từ báo *Khoa học và Phát triển* bài viết đã cố gắng dựng lại bức tranh tổng thể về tình hình triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn một cách khách quan, từ việc cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật thành các quy định, quy chế quản lý cụ thể của các địa phương, đến việc tổ chức tuyển chọn các tổ chức và cá nhân, tại chỗ và ngoài địa bàn, làm chủ trì các nhiệm vụ KHCN địa phương. Cũng như bản thân hoạt động KHCN ở các địa phương, việc triển khai thực hiện cơ chế tuyển chọn ở các địa phương hết sức đa dạng, phong phú, không tỉnh nào giống tỉnh nào, từ thời gian bắt đầu triển khai, cách thức thông báo tuyển chọn, kết quả tuyển chọn qua số lượng tuyệt đối và tỷ lệ các nhiệm vụ tuyển chọn trên tổng số các nhiệm vụ KHCN hàng năm... Còn nhiều vấn đề liên quan chưa có cơ sở để xem xét như các tác động của cơ chế tuyển chọn đến các nhà khoa học, nguyên tắc thành lập, số lượng thành phần, cơ cấu và cách thức làm việc của các hội đồng tư vấn tuyển chọn...

Cơ chế tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN là đúng đắn và đã tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương, đến thể chế về KHCN và đến xã hội nói chung. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện và mức độ của tác động tích cực đó là khác nhau ở các địa phương có các điều kiện khách quan khác nhau. Vì vậy, cần tiếp tục phổ biến, hướng dẫn và tổ chức thực hiện cơ chế tuyển chọn với tư cách là một trong những hoạt động đổi mới cơ chế quản lý KHCN.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, còn có những khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện cơ chế, mà quan trọng nhất là tất cả các quy định, hướng dẫn thực hiện đều nhắm đến các đối tượng ở trung ương, cho các nhiệm vụ cấp nhà nước. Vì vậy, theo câu ngạn ngữ “chậm còn hơn không”, các đơn vị chức năng của Bộ KHCN cần có hướng dẫn riêng, phù hợp với các điều kiện thực tiễn cho các địa phương. Và không chỉ đối với cơ chế này.

Để hoàn thành nghiên cứu cá nhân này, chúng tôi đã nhận được sự động viên, giúp đỡ của các đồng nghiệp, đặc biệt là đã nhận được các số liệu thống kê, các ý kiến trao đổi, đánh giá từ các Sở KHCN Bắc Ninh, Bến Tre, Bình Dương, Cà Mau, Cần Thơ, Hà Nội, Hải Phòng, Lào Cai, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Trị và Tuyên Quang. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó. Chúng tôi cảm ơn anh Phan Trọng, chuyên viên Trung tâm Thông tin KHCN Thừa Thiên Huế đã giúp đỡ trong việc thu thập số liệu từ báo *Khoa học và Phát triển*.

N N

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Khoa học và Công nghệ*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.
2. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Đề án đổi mới cơ chế quản lý KHCN*, Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Hà Nội, 9/2004.
3. Bộ KHCN, *Quy định về phương thức làm việc của hội đồng KHCN tư vấn tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện các đề tài KHCN và các dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước*. Hà Nội, 1/2006.
4. Bộ KHCN, *Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước*. Hà Nội, 5/2007.
5. Bộ KHCN, *Quy định về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện đề tài khoa học xã hội nhân văn cấp nhà nước*. Hà Nội, 6/2007.
6. UBND thành phố Đà Nẵng, *Quy định về cơ chế quản lý các nhiệm vụ KHCN thành phố Đà Nẵng*. Quyết định số 30/2005/QĐ-UB ngày 18/03/2005, Đà Nẵng 2005.
7. UBND tỉnh Quảng Ngãi, *Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng KHCN tỉnh Quảng Ngãi*. Quyết định số 61/2005/QĐ-UB ngày 29/4/2005. Quảng Ngãi, 2005.
8. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, *Quy định về quản lý các chương trình, đề tài, dự án KHCN của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*. Quyết định số 2718/2006/QĐ-UB ngày 12/9/2006. Vũng Tàu, 2006.
9. UBND tỉnh An Giang, *Quy chế quản lý các đề tài, dự án KHCN trên địa bàn tỉnh An Giang*. Quyết định số 28/2007/QĐ-UB ngày 13/6/2007. Long Xuyên, 2007.

10. UBND thành phố Hải Phòng, *Quy chế quản lý các nhiệm vụ KHCN thành phố Hải Phòng*. Quyết định số 185/2008/QĐ-UBND ngày 25/1/2008. Hải Phòng, 2008.
11. Đỗ Nam, *Tuyển chọn chủ trì đề tài, dự án KHCN: minh bạch và bình đẳng*, Tạp chí *Hoạt động Khoa học*, số 8/2008.
12. Bộ Tài chính và Bộ KHCN, *Hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước*. Thông tư số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007, Hà Nội, 2007.
13. UBND Thừa Thiên Huế, *Định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh*. Quyết định 2344/2007/QĐ-UBND ngày 18/10/2007. Huế, 2007.
14. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008.

TÓM TẮT

Nhiều chủ trương, chính sách của Nhà nước về đổi mới cơ chế quản lý KHCN được ban hành, đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương, nhưng còn ít được xem xét, đánh giá. Dựa chủ yếu vào các thông tin, số liệu về các nhiệm vụ KHCN đã được triển khai thực hiện trong 5 năm 2003-2007 của tỉnh Thừa Thiên Huế, có so sánh với các thông tin, số liệu do các Sở KHCN các tỉnh, thành phố cung cấp, tác giả bài viết đã phân tích, đánh giá tác động của cơ chế tuyển chọn đơn vị và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh đối với hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương. Các số liệu thống kê và các ý kiến đánh giá từ những người trực tiếp quản lý hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương đã chỉ ra rằng, cơ chế tuyển chọn đơn vị và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh đã thực sự có tác động tích cực đến hoạt động nghiên cứu và triển khai của các địa phương. Đồng thời, tác giả cũng chỉ ra các khó khăn, hạn chế trong triển khai thực hiện cơ chế này và phân tích các nguyên nhân của nó.

ABSTRACT

IMPACT OF REGULATION OF SELECTION MECHANISM ON RESEARCH AND DEVELOPMENT ACTIVITIES IN PROVINCIAL LOCALITIES

Many policies on renovating management mechanism of research and development activities were been promulgated by the government and enter into life, make positive impacts on research and development activities in provinces and cities, but there are very few studies and assessments on them. Basing mainly on information and data of scientific projects of Thừa Thiên Huế province, comparing with ones of other provinces and cities, the author of this article analysis and evaluates impacts of mechanism of electing organizations and individuals for implementing scientific projects at provincial level. Statistical data and opinions of local managers of provincial departments of science and technology show that, election mechanism of organizations and individuals for implementing scientific projects makes positive impact on research and development activities of provinces and cities indeed. At the same time, the author had finded out the difficulties and limits in carying out this mechanism and their reasons.